

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV  
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV**

Số: 3206 /NĐCP-KHĐT-VT

V/v: Thư mời khảo sát và báo giá

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 07 năm 2026

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP đang có nhu cầu lập dự toán Cung cấp vật tư gia công chế tạo thiết yếu.

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP kính mời Quý Công ty tham gia chào giá với nội dung như sau:

**I. Yêu cầu về hàng hóa**

**1. Thông tin về vật tư cần mua:**

- Tên đơn hàng: Cung cấp vật tư gia công chế tạo thiết yếu.
- Số hiệu đơn hàng: 129/ĐH-NĐCP
- Chi tiết Đơn hàng (Theo bảng kê chi tiết đính kèm):

*Lưu ý: Trong quá trình chuẩn bị báo giá, nhà cung cấp phải khảo sát kỹ thông số kỹ thuật, tình trạng thiết bị của đơn hàng nhằm đảm bảo tính tương thích về môi trường, điều kiện vận hành, chất lượng hàng hóa phù hợp nhu cầu, đảm bảo hiệu quả sử dụng tại nhà máy.*

**2. Nội dung Hồ sơ chào giá:**

**a. Yêu cầu về thương mại:**

- Đơn giá, tổng giá trị phải được chào bằng VNĐ và được hiểu là giá giao tại kho bên mua và đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo quy định của Nhà nước.
- Bản chào giá ghi đầy đủ hãng, nước sản xuất.
- Địa điểm giao hàng: kho vật tư của Công ty tại Tổ 4, khu 4A, P.Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá tối thiểu là 60 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp báo giá được ghi trong bản yêu cầu.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Nhà cung cấp đề xuất thời gian giao hàng.

**Xử lý tình huống:**

- Trong trường hợp Bên B có sẵn hàng hóa và Bên A có nhu cầu sử dụng, Bên B sẽ thực hiện bàn giao hàng hóa theo nhu cầu bằng văn bản của bên A thông qua gửi trực tiếp/Fax/Email.
- Trong trường hợp Bên B giao hàng vào ngày cuối cùng của thời gian thực hiện hợp đồng, không phải là thứ 2 hoặc thứ 5 thì Bên B thực hiện bàn giao hàng hóa vào ngày thứ 2/thứ 5 kế tiếp (ngày gần nhất với ngày hết hạn thực hiện hợp đồng) hoặc vào các ngày kế tiếp theo nhu cầu của Bên A và không tính là vi phạm thời gian thực hiện hợp đồng.

- Thời gian bảo hành: 12 tháng kể từ ngày hai bên ký kết Biên bản kiểm nghiệm vật tư.
- Thời gian thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng trong vòng 30 ngày sau khi bên B bàn giao đầy đủ hàng hóa, đạt yêu cầu kỹ thuật và có đủ chứng từ thanh toán cho bên A.

*b. Yêu cầu về hàng hóa*

- Hàng hóa phải mới 100%, sản xuất năm 2025 trở lại đây, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật.

- Hàng hóa, vật tư được chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ và nguồn gốc hợp pháp, có giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng như sau:

+ Với các mục hàng nhập khẩu:

++ Các vật tư có đơn giá từ 20 triệu đồng trở lên; hoặc có đơn giá dưới 20 triệu đồng nhưng tổng giá trị mua sắm vật tư đó hơn 50 triệu đồng: Cấp CO, CQ/ hoặc các văn bản giá trị tương đương.

+ Với các mục hàng xuất xứ Việt Nam: Cấp Cam kết nguồn gốc xuất xứ và chất lượng hàng hóa. Riêng các mục hàng có Các vật tư có đơn giá trên 10 triệu đồng: Cấp CQ/ hoặc các văn bản giá trị tương đương của nhà sản xuất.

*Ghi chú: CO: Giấy Chứng nhận xuất xứ do đơn vị có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp cho đơn vị nhập khẩu tại Việt Nam; CQ: Giấy chứng nhận chất lượng hoặc các văn bản có giá trị tương đương. Yêu cầu cấp bản dịch thuật tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật với các chứng từ không được viết bằng tiếng Việt. Trong trường hợp số lượng và mục hàng trên CO, CQ trùng với số lượng của Hợp đồng thì phải cung cấp bản gốc kèm theo các chứng từ trên.*

## **II. Hình thức tham gia và thời gian chào giá**

### **1. Hình thức chào giá**

- Bản chào giá phải do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký thay phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao nhiệm vụ hoặc văn bản tương đương.

- BCG (theo biểu mẫu đính kèm).

- Bản chào giá được gửi trong phong bì kín, có niêm phong ghi rõ nội dung: **Bản chào giá theo thư mời số 3206 /NĐCP-KHĐTVT ngày 21 /07/2026** và gửi thư chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp về địa chỉ như sau:

Địa chỉ nhận bản chào giá:

- Phòng Kế hoạch-Đầu tư-Vật tư - Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV.
- Địa chỉ: Tổ 4, khu 4A, phường Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: 02033 734 900
- Cán bộ phụ trách: Nguyễn Thị Bích; Điện thoại: 0985223842
- Thời gian nhận bản chào giá chậm nhất vào ...10. giờ 00' ngày 21/07/2026.
- Thời gian và địa điểm mở bản chào giá vào lúc vào ...10. giờ 30' ngày 21/07/2026 tại trụ sở Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV.

- Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP  
mời các nhà cung cấp đã nộp BCG chứng kiến và xác nhận việc mở BCG, tuy nhiên trong  
mọi trường hợp việc mở BCG vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong  
Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của các nhà cung cấp.

- Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả -TKV rất mong được sự hợp tác của quý đơn vị.

Trân trọng./.



**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc (B/c)
- Trang Web TKV (đăng tải);
- Trang Web ĐLTKV (đăng tải);
- Tổ tư vấn LCNCC;
- Phòng KH-ĐT-VT;
- Lưu Văn thư, NTB(1).

**KT.GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Vũ Hoàng Lân**

10.  
CỘNG  
HÒA  
XÃ HỘI  
CHỦ NGHĨA  
LIÊN BANG  
VIỆT NAM

**Bảng kê chi tiết đơn hàng**  
**(Đính kèm thư mời chào giá số /NĐCP-KHĐTVT ngày tháng 07 năm 2026)**

| STT | Tên vật tư, thiết bị         | Thông số kỹ thuật/ Ký mã hiệu/ Quy cách vật tư thiết bị                  | Hãng/ nước sản xuất             | ĐVT | Số lượng |
|-----|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-----|----------|
| 1   | Bạc chốt                     | inox 304 D22xd17xL12                                                     |                                 | Cái | 10       |
| 2   | Bạc chốt                     | inox 304 D22xd17xL54                                                     |                                 | Cái | 10       |
| 3   | Bạc chốt                     | inox 304 D22xd17xL72                                                     |                                 | Cái | 10       |
| 4   | Bạc chốt                     | D47.5xd34xL70; VL:SUS304                                                 |                                 | Cái | 10       |
| 5   | Bạc lót lắp tết chèn         | D115xD135x340                                                            |                                 | Cái | 2        |
| 6   | Bánh xích                    | Z19-D90 (BV: TVTĐ.00.03)                                                 |                                 | Cái | 1        |
| 7   | Bộ khớp nối                  | Grid Coupling T10 type 1100                                              |                                 | Bộ  | 1        |
| 8   | Cánh khuấy bộ trộn âm xỉ đáy | bản vẽ: TX.09.02                                                         |                                 | Cái | 48       |
| 9   | Chốt xích                    | D34xL94 SUS304                                                           |                                 | Cái | 70       |
| 10  | Con lăn                      | DYR (dùng cho xích thái tro xỉ DYP315S-A2, GR/2L, LP/6L)(hàng nhập Khẩu) | Dongyang Chain Industry Co.,Ltd | Cái | 100      |
| 11  | Con lăn đỡ vít               | D260 (BV TX21.00)                                                        |                                 | Cái | 4        |
| 12  | Lập là                       | inox 304, KT 1900x35x3                                                   |                                 | Cái | 10       |
| 13  | Lập là                       | inox304, KT: 1900x65x3                                                   |                                 | Cái | 10       |
| 14  | Lưới lọc rác                 | inox304, KT: 1900x630x1                                                  |                                 | Cái | 10       |
| 15  | Má xích ngoài                | 600x80x8; VL: SUS304                                                     |                                 | Cái | 29       |
| 16  | Má xích trong                | 600x80x8; VL: SUS304                                                     |                                 | Cái | 24       |
| 17  | Tấm vách nghiền số 2         | (2585x128x25); VL: 16Mn                                                  |                                 | Tấm | 7        |

| STT | Tên vật tư,<br>thiết bị      | Thông số kỹ thuật/ Ký mã hiệu/ Quy cách<br>vật tư thiết bị | Hãng/ nước<br>sản xuất                   | ĐVT | Số<br>lượng |
|-----|------------------------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-----|-------------|
| 18  | Trục bơm dầu                 | D25x210mm của nhà sản xuất của KNTL<br>YOTC1050            |                                          | Cái | 2           |
| 19  | Trục bơm dầu                 | Trục bơm dầu KNTL quạt sơ cấp YOTCS 875                    |                                          | Cái | 1           |
| 20  | Vành chèn xỉ tĩnh<br>(thuận) | (BV: TX.27.02)                                             |                                          | Cái | 1           |
| 21  | Vành lăn trục vít            | D1075-1310 (BV:TXVL.23.02)                                 |                                          | Cái | 2           |
| 22  | Xích tải thải xỉ             | DYP315S-A2/EL; LP/6L                                       | Dongyang<br>Chain<br>Industry<br>Co.,Ltd | m   | 10          |
| 23  | Xích băng tải cấp<br>2 MCT   | Bản vẽ MCT.11.00; MCT.11.01; MCT.11.02                     |                                          | m   | 120         |

## BIỂU MẪU BẢN CHÀO GIÁ

Ngày: ..... (Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng)  
 Tên đơn hàng: ..... (Ghi tên đơn hàng theo Thư mời chào giá)  
 Số hiệu đơn hàng: ..... (Ghi số hiệu đơn hàng theo Thư mời chào giá)

| Số TT<br>(Theo thư mời) | Tên vật tư, hàng hóa | Quy cách – Thông số kỹ thuật |          | Đơn vị tính | Hãng/ nước sản xuất |                                           | Số lượng | Đơn giá (VNĐ) | Thành tiền trước thuế (VNĐ) | Thuế GTGT (VNĐ) |      | Thành tiền sau thuế (VNĐ) |
|-------------------------|----------------------|------------------------------|----------|-------------|---------------------|-------------------------------------------|----------|---------------|-----------------------------|-----------------|------|---------------------------|
|                         |                      | Theo thư mời                 | Chào giá |             | Theo thư mời        | Chào giá (ghi đầy đủ hãng/ nước sản xuất) |          |               |                             | 8%              | 10%  |                           |
| (1)                     | (2)                  | (3)                          | (4)      | (5)         | (6)                 | (7)                                       | (8)      | (9)           | (10)                        | (11)            | (12) | (13)                      |
| 1                       | Hàng hóa thứ nhất.   | ....                         | ....     | ....        | ....                | ....                                      | ....     | ....          | ....                        | ....            | .... | ....                      |
| 2                       | Hàng hóa thứ nhất.   | ....                         | ....     | ....        | ....                | ....                                      | ....     | ....          | ....                        | ....            | .... | ....                      |
| n                       | Hàng hóa thứ n       | ....                         | ....     | ....        | ....                | ....                                      | ....     | ....          | ....                        | ....            | .... | ....                      |
| Tổng giá trị            |                      |                              |          |             |                     |                                           |          |               |                             |                 |      |                           |

### 1. Giao hàng:

- a) Thời gian giao hàng: .....  
 b) Địa điểm giao hàng: .....  
 c) Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hóa

### 2. Thanh toán:

### 3. Hàng hóa

- Chất lượng: Hàng hóa phải mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật.
- Các giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng: ..... (Nhà cung cấp ghi rõ tên các loại giấy tờ).
- 4. Bảo hành (nếu có):
- 5. Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng (nếu có):

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp**  
 (Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

(Ghi chú: ở cột số (11); (12): Nhà cung cấp ghi giá trị thuế GTGT ở cột áp dụng thuế suất tương ứng với hàng hóa.